

Số: 15/NQ-HĐND

Thanh Trị, ngày 28 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về bổ sung, điều chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm
giai đoạn 2021-2025, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 7 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 179/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng (đợt 2);

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 05/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị về bổ sung dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng,

Xét Tờ trình số 965/TTr-UBND ngày 21/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất bổ sung, điều chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện, cụ thể như sau:

1. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương với tổng số vốn là 15.152 triệu đồng, dự kiến bổ sung 08 danh mục dự án cần thiết, cấp bách và 02 danh mục dự án tăng vốn so với kế hoạch.

2. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 8.400 triệu đồng, dự kiến bổ sung 02 danh mục dự án; điều chỉnh kế hoạch vốn 01 danh mục dự án từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và 01 danh mục dự án điều chỉnh tăng kế hoạch vốn.

3. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương với tổng số vốn là 14.411 triệu đồng, giảm đầu tư 06 dự án. Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung là 141.463 triệu đồng. Trong đó: Cân đối ngân sách địa phương là 124.063 triệu đồng và thu tiền sử dụng đất là 17.400 triệu đồng.

(Chi tiết đính kèm biểu số 1)

4. Điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình từ nguồn vốn ngân sách huyện (Vốn kết dư ngân sách huyện) đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cụ thể như sau:

Điều chỉnh tăng tổng kế hoạch vốn là 2.072,770 triệu đồng. Trong đó: vốn ngân sách huyện (vốn kết dư ngân sách huyện) là 186,796 triệu đồng. Bao gồm:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, điều chỉnh tăng là 5,696 triệu đồng.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số điều chỉnh, bổ sung là 181,100 triệu đồng.

Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau bổ sung, điều chỉnh: Tổng kế hoạch vốn 53.767,796 triệu đồng. Trong đó, nguồn vốn ngân sách huyện (Vốn kết dư ngân sách huyện) đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số là 4.535,531 triệu đồng.

(Chi tiết đính kèm biểu số 2)

Điều 2.

1. Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật. Hằng năm, tùy từng nguồn vốn có thay đổi, UBND huyện chủ động điều hành (đối với vốn phân cấp ngân sách) và chủ động bố trí vốn đối ứng (đối với vốn chương trình mục tiêu Quốc gia) để thực hiện nhiệm vụ đầu tư công trong phạm vi điều chỉnh, bổ sung báo cáo tại kỳ họp HĐND huyện gần nhất.

2. Thường trực HĐND huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 05/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị khóa XII, kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND - UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT. Huyện ủy - UBND huyện;
- Đ/b HĐND huyện;
- HĐND và UBND các xã (TT);
- Lưu: (VT- NC).

CHỦ TỊCH



Son Phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ T. SÓC TRĂNG



**CHI TIẾT DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số: 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trì)

ĐVT: triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021- 2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 05/07/2022		Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021- 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)			
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)		
	Tổng số		132.322	132.322	23.552	0	14.411	141.463	
*	Nguồn cân đối ngân sách huyện		123.322	123.322	15.152	0	14.411	124.063	
I	Kế hoạch năm 2021		22.009	22.009	0	0	0	22.009	
1	Lộ cống sau nhà ông Thống, ấp 1	thị trấn Phú Lộc	537	537				537	
2	Lộ Ông Cuội nối tiếp (ấp Thanh Điền)	thị trấn Phú Lộc	161	161				161	
3	Lộ từ nhà Liêu Sơn đến nhà Thạch Thị Xoàn	thị trấn Hưng Lợi	826	826				826	
4	Cầu Trụ sở ấp Tràm Kiến	xã Châu Hưng	962	962				962	
5	Lộ Ông Đàn - ông Bắc	xã Vĩnh Thành	1.121	1.121				1.121	
6	Lộ từ nhà Út nghĩa đến nhà ông Bảy Cười	xã Thanh Trì	1.152	1.152				1.152	
7	Lộ Rạch Chóc	xã Tuân Tức	985	985				985	
8	Lộ Tân Lộc - Kiệt Nhất B (nhà ông Khuê)	xã Lâm Tân	880	880				880	
9	Lộ từ cống Kiệt Lợi số 09 đến cống Kiệt Lợi số 10	xã Lâm Kiệt	638	638				638	
10	Lộ từ cống Kiệt Lợi số 10 đến giáp Lâm Tân	xã Lâm Kiệt	636	636				636	
11	Nhà SHCD ấp Kinh Ngay 1	thị trấn Hưng Lợi	317	317				317	
12	Hội trường UBND xã Vĩnh Lợi	xã Vĩnh Lợi	2.500	2.500				2.500	
13	SLMB khu hành chính UBND huyện, huyện Thanh Trị	thị trấn Phú Lộc	992	992				992	
14	Kho lưu trữ UBND huyện, huyện Thanh Trì	thị trấn Phú Lộc	2.000	2.000				2.000	
15	SLMB Trụ sở Đảng ủy, UBND xã Vĩnh Thành	xã Vĩnh Thành	1.072	1.072				1.072	
16	SLMB Trụ sở Đảng ủy, UBND xã Lâm Kiệt	xã Lâm Kiệt	1.102	1.102				1.102	
17	Trụ sở UBND xã Thanh Tân	xã Thanh Tân	266	266				266	



ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021- 2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 05/07/2022		Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021- 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)			
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)		
18	Trụ sở UBND xã Tuân Tứ	xã Tuân Tứ	367	367				367	
19	Trụ sở Đảng ủy, UBND thị trấn Phú Lộc	thị trấn Phú Lộc	408	408				408	
20	Xây dựng rãnh thoát nước, via hè đường Trần Văn Bảy	thị trấn Phú Lộc	3.814	3.814				3.814	
21	Hàng rào phòng Nông nghiệp & PTNT huyện, huyện Thạnh Trị	thị trấn Phú Lộc	996	996				996	
22	Cầu nhà ông Lâm Kel - lộ Xóm Tro 1	thị trấn Hưng Lợi	277	277				277	
II	Kế hoạch năm 2022		22.009	22.009				22.009	
23	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng 05 ấp: ấp 3, ấp Nàng Rền; ấp Rẫy Mới; Công Điền; Bào Lớn	TT Phú Lộc	1.873	1.873				1.873	
23.1	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Nàng Rền, Bào Lớn	TT Phú Lộc	813	813				813	
23.2	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp 3, Rẫy Mới, Công Điền	TT Phú Lộc	1.060	1.060				1.060	
24	Via hè khu vực ấp 3	TT Phú Lộc	890	890				890	
25	Nâng cấp hẻm 8	TT Phú Lộc	1.736	1.736				1.736	
26	Lộ Bào Cát - Quang Vinh (làm mới đoạn còn lại từ nhà ông Quang - nhà ông Luôn)	TT Hưng Lợi	2.023	2.023				2.023	
27	Đường lộ 13-23 (Nối tiếp)	xã Châu Hưng	1.907	1.907				1.907	
28	Lộ nhà ông Đản - ông Ngoan - ông Ty	xã Vĩnh Thành	2.126	2.126				2.126	
29	Cầu Mây Dốc	xã Thạnh Trị	2.352	2.352				2.352	
30	Lộ Cầu Trắng - Lâm Trường	xã Thạnh Tân	680	680				680	
31	Cầu Lý Bươl (nối tiếp cầu chùa đến Sông Lớn)	xã Tuân Tứ	2.332	2.332				2.332	
32	Lộ Mương Điều (Cầu 8 Ta - nhà ông Vọng)	xã Lâm Tân	2.043	2.043				2.043	
33	Lộ Kiệt Thắng- Kiệt Thống	xã Lâm Kiệt	2.310	2.310				2.310	
34	Nâng cấp đường Trần Phú	thị trấn Phú Lộc	877	877				877	02 nguồn vốn
35	Nâng cấp đường dẫn từ Quốc lộ 1A vào công viên	thị trấn Phú Lộc	860	860				860	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021- 2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 05/07/2022		Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021- 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)			
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)		
II	Kế hoạch năm 2023		11.530	11.530	15.152	0	0	26.682	
36	Nâng cấp sửa chữa Nhà văn hóa ấp, nhà sinh hoạt cộng đồng ấp: - Nhà SHCD ấp Trung Thống - Nhà SHCD ấp Trung Thành - Nhà SHCD ấp Tân Định - Nhà SHCD ấp Trung Bình	xã Tuân Tức	600	600	200			800	
37	Lộ cầu Bào Lớn (phía bên sông)	TT Phú Lộc	1.400	1.400				1.400	2023-2024
38	Xây dựng cầu bê tông tuyến kênh Thạnh Điền - Bào Lớn (thay cầu treo)	TT Phú Lộc	1.350	1.350				1.350	
39	Lộ kênh Ba Sơn nối tiếp	xã Thạnh Tân	2.250	2.250				2.250	
40	Làm bờ kè và nâng cấp lát sân chợ Tuân Tức	xã Tuân Tức	1.000	1.000				1.000	
41	Cầu 10 Trọc ấp 15	xã Vĩnh Lợi			1.155			1.155	
42	Nâng cấp, cải tạo Hội trường Ban thường vụ Huyện ủy và Ban tổ chức Huyện ủy	TT Phú Lộc			1.000			1.000	
43	Lộ Kênh Mướp Lớn	xã Thạnh Tân	1.870	1.870				1.870	
44	Nâng cấp đường, vỉa hè xung quanh công viên cũ	TT Phú Lộc			1.000			1.000	
45	Lộ từ cầu ấp 23, Vĩnh Thắng - trường Tiểu học Vĩnh Thắng	xã Vĩnh Thành	2.160	2.160	180			2.340	2023-2024
46	Cầu Tà Niên	xã Thạnh Trị	900	900				900	
47	Lộ Kinh Ngay 2 - Xóm Tro 2 - Quang Vinh	xã Châu Hưng			6.840			6.840	2023-2024
48	Cầu Kênh Nhỏ	xã Vĩnh Lợi			477			477	
49	Nâng cấp khu C	TT Phú Lộc			2.100			2.100	
50	Nâng cấp sân, đường, thoát nước khu A, B trụ sở UBND huyện	TT Phú Lộc			1.100			1.100	
51	Nâng cấp Sân, đường, thoát nước trụ sở Huyện ủy	TT Phú Lộc			1.100			1.100	
IV	Kế hoạch 2024-2025		67.774	67.774		-	14.411	53.363	
52	Lộ tuyến kênh KT13, từ Trần Văn Bảy đến hộ Nguyễn Thanh Hùng	TT Phú Lộc	500	500				500	
53	Lộ Phú Tân (làm mới bên trái từ chùa Ông Bồn đến giáp ranh Tuân Tức)	TT Phú Lộc	2.250	2.250				2.250	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021- 2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 05/07/2022		Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021- 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)			
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)		
54	Lộ hẻm 13 ấp Xa Mau 1 (lộ 1,5m, cống 0,5m)	TT Phú Lộc	1.020	1.020			1.020	0	KP SNMT năm 2021
55	Lộ Phú Tân mở rộng (cấp sông bên phải giáp Tuân Tứ)	TT Phú Lộc	3.780	3.780				3.780	
56	Lộ Bào Lớn (làm mới nối tiếp lộ nhà 4 Đẹp)	TT Phú Lộc	750	750				750	
57	Cầu Bào Lớn (giáp ấp Chấn Đốt)	TT Phú Lộc	2.500	2.500			2.500	0	Tạm hoãn
58	Lộ ấp Số 8 (làm mới đoạn còn lại từ nhà ông Thạch Bịp - nhà ông Trương Thanh Phong)	TT Hưng Lợi	2.475	2.475				2.475	
59	Làm mới lộ ấp Số 8 từ nhà ông Ngô Sang - Danh Hiến (Giáp đình Số 8)	TT Hưng Lợi	2.340	2.340				2.340	
60	Làm mới lộ cấp kênh Chợ Cũ	TT Hưng Lợi	990	990				990	
61	Đường kênh 3 Huê đến kênh Nàng Rền	xã Châu Hưng	2.640	2.640			2.640	0	UB xã ĐN điều chỉnh giảm vốn ưu tiên dự án bức xúc- (Tạm hoãn)
62	Lộ từ nhà ông Nhơn - nhà ông Ngọ	xã Châu Hưng	3.960	3.960				3.960	
63	Lộ 10 Điều- ông Chạy, ấp 16/2	xã Vĩnh Lợi	3.150	3.150				3.150	
64	Lộ Kênh 19/5 - ông đước, ấp 11	xã Vĩnh Lợi	3.630	3.630				3.630	
65	Lộ Kênh ông tà (4 Hà -2 ần), ấp 16/2	xã Vĩnh Lợi	2.700	2.700				2.700	
66	Lộ 4 có - 6 Nho, ấp 14	xã Vĩnh Lợi	1.289	1.289				1.289	
67	Lộ Trường Mẫu giáo cũ nối tiếp ấp 22	xã Vĩnh Thành	3.630	3.630				3.630	
68	Đường ấp X2 - X7 A nối tiếp (Nhà Út Nghĩa - nhà ông 7 cười)	xã Thạnh Trị	600	600				600	
69	Cầu Lung Húc (bề rộng 2m)	xã Thạnh Trị	750	750				750	
70	Đường ra trạm bơm kênh ông Chính (kênh 2 Tài)	xã Thạnh Trị	900	900				900	
71	Cầu Kênh Xóm Cá	xã Thạnh Trị	900	900				900	
72	Hàng Rào UBND xã (cao 3m)	xã Thạnh Trị	2.080	2.080				2.080	
73	Lộ Kênh 8 Phước	xã Thạnh Tân	1.650	1.650				1.650	
74	Lộ 9 Sồn	xã Thạnh Tân	825	825				825	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021- 2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 11/NQ-HĐND ngày 05/07/2022		Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021- 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)			
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)		
75	Đường lộ Trung Thống - Phú Giáo nối tiếp, Cầu Hai Khai đài 40m	xã Tuân Tức	2.250	2.250				2.250	
76	Đường cấp sông áp Trung Bình (từ kênh ông Quyết đến rạch sa keo)	xã Tuân Tức	2.610	2.610				2.610	
77	Lộ đal Sakeo (cầu Thanh Niên - nhà Ông Lùng)	xã Lâm Tân	2.700	2.700				2.700	
78	Cầu Chợ xã	xã Lâm Tân	2.500	2.500			2.500	0	Đã đầu tư dự án vùng trũng
79	Cầu Ông Thần (đường Sông sakeo)	xã Lâm Tân	1.200	1.200				1.200	
80	Cầu kênh 14/9 (nhà ông Chín Khải)	xã Lâm Tân	2.250	2.250				2.250	
81	Lộ Kiệt Thắng- Kiệt Thống	xã Lâm Kiệt	750	750			750	0	Đã đầu tư năm 2022
82	Lộ Liên áp Kiệt Bình-Kiệt Thống	xã Lâm Kiệt	8.205	8.205			5.001	3.204	02 nguồn vốn
*	Vốn thu tiền sử dụng đất		9.000	9.000	8.400	0	0	17.400	
1	Kế hoạch năm 2021		1.200	1.200	0	0	0	1.200	
1	Lộ 14/9 (bên sông), xã Thạnh Tân	xã Thạnh Tân	1.200	1.200				1.200	
II	Kế hoạch năm 2022		2.400	2.400	0	0	0	2.400	
1	Lộ Cầu Chùa đến Sông Lớn (nối tiếp)	xã Tuân Tức	1.287	1.287				1.287	
2	Cầu Lộ 14/9 (bên sông)	xã Thạnh Tân	990	990				990	
3	Nâng cấp đường Trần Phú	thị trấn Phú Lộc	123	123				123	02 nguồn vốn
III	Kế hoạch năm 2023		0	0	3.000	0	0	3.000	
1	Bờ kè xã Vĩnh Thành	xã Vĩnh Thành			1.000			1.000	
2	Nâng cấp Đường 30/4 và cải tạo một số tuyến đường chợ thị trấn Phú Lộc	TT Phú Lộc			2.000			2.000	
IV	Kế hoạch năm 2024-2025		5.400	5.400	5.400	-	-	10.800	-
1	Mở rộng lộ Tám Dũng áp 3	TT Phú Lộc	1.200	1.200				1.200	
2	Lộ Bình Thới	xã Châu Hưng	2.520	2.520				2.520	
3	Lộ Kim Cửa - trường học Vĩnh Thắng	xã Vĩnh Thành	1.080	1.080	399			1.479	
4	Đường Kênh Xóm Cá B (Nhà Thầy Thảo bên sông) (bề rộng 2m)	xã Thạnh Trị	600	600				600	
5	Lộ Liên áp Kiệt Bình-Kiệt Thống	xã Lâm Kiệt			5.001			5.001	02 nguồn vốn



CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH HUYỆN ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 15...../NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trì)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại NQ 11/NQ-HĐND ngày 05/7/2022			Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	
		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Tăng	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Giảm	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)		Ngân sách địa phương
			NSTW	NSĐP		Ngân sách địa phương		Ngân sách địa phương			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ	51.695,026	47.346,291	4.348,735	2.072,770	186,796	0,000	0,000	53.767,796	4.535,531	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	23.453,064	21.671,780	1.781,284	75,014	5,696	0,000	0,000	23.528,078	1.786,980	
1	Hỗ trợ đất ở	2.383,069	2.166,426	216,643	7,621	0,692	0,000		2.390,690	217,335	
2	Hỗ trợ nhà ở	17.211,049	15.646,408	1.564,641	55,050	5,004	0,000		17.266,099	1.569,645	
3	Hỗ trợ đất sản xuất	3.858,946	3.858,946		12,343		0,000		3.871,289	-	
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	28.241,962	25.674,511	2.567,451	1.997,756	181,100	0,000	0,000	30.239,718	2.748,551	
	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	28.241,962	25.674,511	2.567,451	1.997,756	181,100	0,000	0,000	30.239,718	2.748,551	



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại NQ 11/NQ-HĐND ngày 05/7/2022			Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	
		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Tăng	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Giảm	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)		Ngân sách địa phương
			NSTW	NSĐP		Ngân sách địa phương		Ngân sách địa phương			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở ấp, xã đặc biệt khó khăn	28.241,962	25.674,511	2.567,451	1.997,756	181,100	0,000	0,000	30.239,718	2.748,551	
1	Cầu Kênh Thầy 9	845,000	768,182	76,818	-		-		845,000	76,818	
2	Cầu Ông Ngọn	845,000	768,182	76,818	-		-		845,000	76,818	
3	Cầu ông Kha Mết	845,000	768,182	76,818	-		-		845,000	76,818	
4	Cầu Kênh nhà ông Thại	704,649	640,590	64,059	-		-		704,649	64,059	
5	Lộ ấp Giồng Chùa (Từ cầu Chùa - nhà Lý Sương)	260,000	236,364	23,636					260,000	23,637	
6	Lộ ấp Số 8 (Nhà ông Thạch Lện - Nhà Lâm Sơn)	1.560,000	1.418,182	141,818	-		-		1.560,000	141,818	
7	Cầu Kênh 10 thước 1	855,000	777,273	77,727					855,000	77,730	
8	Lộ Thạch Kỳ	1.980,000	1.800,000	180,000	-		-		1.980,000	180,000	
9	Cầu Kênh 8 Phước	756,313	687,557	68,756	-		-		756,313	68,756	
10	Cầu Kênh ranh Kinh Ngay 2 - 23	855,000	777,273	77,727	-		-		855,000	77,727	
11	Lộ ấp Số 8 (Nhà ông Liêu Sơn - nhà ông Trần Đực)	1.848,000	1.680,000	168,000	-		-		1.848,000	168,000	
12	Cầu Kênh Huyện Tự	855,000	777,273	77,727	-		-		855,000	77,727	
13	Lộ Trung Thống - Tân Định	3.300,000	3.000,000	300,000	-		-		3.300,000	300,000	
14	Lộ Xóm Trong	700,000	636,364	63,636	-		-		700,000	63,636	



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại NQ 11/NQ-HĐND ngày 05/7/2022			Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	
		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Tăng	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Giảm	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)		Ngân sách địa phương
			NSTW	NSĐP		Ngân sách địa phương		Ngân sách địa phương			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15	Cầu Kênh Kiết Lợi	535,000	486,364	48,636	-		-		535,000	48,636	
16	Lộ áp Kinh Ngay 1 (Từ nhà bà Lệ - giáp áp Kinh Ngay 2)	2.690,000	2.445,455	244,545	-		-		2.690,000	244,545	
17	Lộ Kênh Ba Huê	1.716,000	1.560,000	156,000	-		-		1.716,000	156,000	
18	Lộ áp Số 9 (Từ cầu Thủ Mộ - nhà ông Danh Thành)	1.320,000	1.200,000	120,000	-		-		1.320,000	120,000	
19	Lộ Kênh ông Cua	1.452,000	1.320,000	132,000	-		-		1.452,000	132,000	
20	Cầu Kênh nhà ông Út Em	660,000	600,000	60,000	-		-		660,000	60,000	
21	Lộ áp Số 9 (Nhà ông Lưu Văn Giang - nhà ông Thạch Tròn)	360,000	327,273	32,727					360,000	32,726	
22	Lộ áp Xóm Tro 1 (Nhà ông Trần Văn Ân - nhà ông Thạch Mừng)	3.300,000	3.000,000	300,000	104,656	9,000	-		3.404,656	309,000	
23	Lộ và cống thoát nước Hẻm 12 nối tiếp	0,000			1.893,100	172,100	-		1.893,100	172,100	

* Bổ sung giai đoạn 2021-2025 (thực hiện gđ 2024-2025) CT: Lộ và cống thoát nước hẻm 12 nối tiếp, áp Xa Mau 2 (700mx3m)

Tổng vốn: 1.893,100 triệu đồng. Trong đó: NSTW: 1.721 triệu đồng, NSH (10%): 172,1 triệu đồng.

+ Tăng vốn công trình Lộ áp Xóm Tro 1 (Nhà ông Trần Văn Ân- nhà ông Thạch Mừng). Tăng thêm vốn NSTW: 95,656 triệu đồng; Vốn NSĐP: 9 triệu đồng.